

Bản án số: 53/2025/HS-ST
Ngày: 12/02/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Thẩm phán: Ông Phạm Viết Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo.
2. Bà Lê Thị Xuân Lang.
3. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 747/2024/HSST ngày 03/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST-HS ngày 20/01/2025 đối với bị cáo:

Đặng Trung T, sinh ngày 02/02/1993 tại Long A; Nơi cư trú: 8 Khu phố A, thị trấn Thủ T, huyện Thủ T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình K và bà Nguyễn Thị Thanh T1; có vợ: Nguyễn Thị Huyền T2; có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 16/6/2023 được tại ngoại.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2023 cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa).

+ *Người bào chữa:* Luật sư Đoàn Huy H, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Đặng Trung T. (có mặt).

+ *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: 4 đường số B, phường Bình Hưng H, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1985; địa chỉ: 11 Lê Quang Đ, Phường C, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Việt H, trú tại 47 Hòa H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Đặng Trung T nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ hồng) để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác.

Ngày 28/12/2021, T sử dụng mạng xã hội Facebook, truy cập vào trang “Làm giấy tờ giả các loại uy tín, chất lượng, nhanh chóng” nhắn tin cho đối tượng (chưa rõ lai lịch) đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 20 Trần Đình X, phường Nguyễn Cư T, Quận A (T lấy hình ảnh sổ hồng của người rao bán nhà ngẫu nhiên trên mạng để cung cấp cho đối tượng làm giả) với giá 5.000.000 đồng.

Đến ngày 01/01/2022, theo thỏa thuận trước đó, T đến ngã ba đường Phan Văn T- Lê Quang Đ, quận Bình T và được một nhân viên giao hàng (không rõ lai lịch) giao cho một bì hồ sơ bên trong chứa “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số BN013XXX; Số vào sổ cấp GCN: CH002XX do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung T, sinh năm 1993, địa chỉ: 8 Khu phố A, Thị trấn Thủ T, huyện Thủ T, tỉnh Long A và T trả 5.000.000 đồng tiền mặt cho nhân viên giao hàng. Để che giấu hành vi phạm tội T xóa toàn bộ tin nhắn thỏa thuận làm giả giấy tờ nêu trên. Sau đó, T liên hệ với ông Bùi Tiến D (sử dụng số điện thoại 0931249XXX) hoạt động cho vay, cầm đồ để trao đổi việc cần thế chấp sổ hồng, ông D giới thiệu T cho một người tên Tr (không rõ lai lịch) trao đổi việc thế chấp sổ hồng của T qua Zalo. Đến khoảng 10 giờ ngày 08/01/2022, thông qua sự giới thiệu của Tr, T gặp ông Nguyễn Văn Th tại một quán cà phê ở góc đường Vĩnh V - Lý Thường K, Phường E, Quận M, qua trao đổi ông Th đồng ý ký Hợp đồng mua bán, cầm sổ hồng của T với giá 600.000.000 đồng trong thời gian từ 2 đến 3 tháng, nếu T có tiền thì ông Th cho T chuộc lại và trả tiền lãi (không nhớ rõ bao nhiêu), nếu T không có tiền chuộc thì buộc phải sang tên sổ hồng cho ông Th. Sau đó, cả hai thống nhất đến Văn phòng công chứng Đồng Thị H1 tại địa chỉ: 38 Ngô Gia T, Phường F, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Hợp đồng công chứng.

Tại Văn phòng công chứng Đồng Thị H1, T và ông Th chuẩn bị thực hiện việc ký Hợp đồng công chứng, T đưa sổ hồng giả nêu trên cho bà Đồng Hoàng L (nhân viên Văn phòng công chứng) đề nghị kiểm tra xem sổ thật hay sổ giả,

sau khi kiểm tra trên hệ thống bà L phát hiện địa chỉ nhà, đất nêu trên đang thế chấp Ngân hàng nên nghi ngờ sổ hồng của T đưa là giả. Do vậy, bà L đã đưa sổ hồng cho bà Đồng Thị H1 - Trưởng Văn phòng Công chứng xem, lập biên bản làm việc, tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN013XXX do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung T, sau đó trình báo Công an Phường F, Quận M biết và chuyển toàn bộ giấy tờ liên quan và sổ hồng giả đến Thanh tra Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Công an Phường F, Quận M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận M đã tiến hành xác minh, tạm giữ sổ hồng nêu trên tại Thanh tra Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26/01/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 898/KLGD-TT kết luận *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BN 013XXX, đứng tên Đặng Trung T, năm sinh 1993, Chứng minh nhân dân số 301458XXX, đề ngày 06/01/2021 là giả (bản in, hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu; chữ ký mang tên Vũ Nguyễn Quang V được ký giả trực tiếp).*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Đặng Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 20 Trần Đình X, phường Nguyễn Cư T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung T (Kết luận giám định xác định là giả) lưu trong hồ sơ vụ án.

* Tạm giữ của Đặng Trung T:

- 01 (01) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 có số IMEI: 358502082515XXX.

- 01 (01) xe gắn máy hiệu HONDA, biển số 52U3-1XXX, Số khung: LPRSE-03202202XXX, Số máy: E310E-209XXX. Kết luận giám định số 1685/KLGD-X(Đ3) ngày 10/2/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *Số khung, số máy không thay đổi.*

Kết quả xác minh, lấy lời khai xác định xe mô tô biển số 52U3-1XXX nêu trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Việt H, trú tại 47 Hòa H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H giao chiếc xe trên cho Đặng Trung T (cháu bà H) để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 và xe gắn máy hiệu HONDA, biển số 52U3-1XXX, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận M đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận M (theo Quyết định chuyển vật chứng số 95/QĐ-VKS ngày 26/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận M và Biên

bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/9/2022 của Cơ quan CSĐT Công an Quận M và Chi cục Thi hành án dân sự Quận M).

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Th chưa bị thiệt hại về tài sản nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 616/CT-VKS-P2 ngày 20/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Đặng Trung T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Trung T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra, đánh giá toàn bộ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Trung T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Trung T từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo từ 15 năm đến 17 năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Tín; trả lại chiếc xe máy biển số 52U3-1XXX cho bà Nguyễn Thị Việt H.

Luật sư trình bày bài bào chữa cho bị cáo Đặng Trung T: Không đồng ý tội danh, điều khoản truy tố đối với bị cáo. Khi bị cáo cung cấp thông tin để làm sổ đỏ giả thì đủ yếu tố cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận M đã truy tố trước đây. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo T không yếu tố cấu thành do việc bị cáo mang sổ đỏ tới Phòng công chứng chỉ để kiểm tra thôi, chưa làm hồ sơ chuyển nhượng, như bị cáo khai có trao đổi với ông Th nội dung không có vợ bị cáo ra ký công chứng thì việc chuyển nhượng cũng không thực hiện được. Ngay từ ban đầu bị cáo khai nhận đã chầm dứt ý định lừa đảo ông Th trước khi vào phòng công chứng kiểm tra sổ đỏ, ý định chuyển nhượng sổ đỏ của bị cáo chỉ là nhất thời thể hiện qua các biên bản hỏi cung bị cáo và biên bản ghi lời khai của bị hại, bà Đồng Hoàng L. Bà L chỉ nhận yêu cầu kiểm tra sổ đỏ của bị cáo T chứ không lập bộ hồ sơ chuyển nhượng tài sản nên chưa đủ căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản như truy tố của Viện kiểm sát. Do đó, chỉ đủ căn cứ truy tố bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện tại bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; là lao động chính nuôi con nhỏ, bị cáo phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét lại toàn bộ vụ án để xét xử đối với bị cáo mức án 01 năm tù, trả tự do cho bị cáo. Về vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của luật sư:

Bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối cho ông Th về việc cầm cố sổ đỏ giả để vay tiền và ông Th đã đồng ý cho bị cáo vay số tiền 600.000.000 đồng nhưng với điều kiện phải ra phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, hai bên đã ra phòng công chứng nhưng khi đưa sổ đỏ cho nhân viên Phòng công chứng thì bị phát hiện sổ giả nên không thực hiện được việc ký hợp đồng chuyển nhượng, do đó Viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo cho rằng đã nói với ông Th là không làm nữa và việc đưa sổ cho nhân viên Phòng công chứng chỉ để kiểm tra, qua đó chất ông Th không thừa nhận lời khai này của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận lời khai nại của bị cáo. Tại biên bản đối chất bị cáo khai trường hợp phòng công chứng không phát hiện sổ giả thì vẫn tiếp tục làm thủ tục cầm cố cho ông Th.

Về tội sử dụng con dấu tài liệu, do không thu được công cụ phương tiện làm giấy tờ giả nên không có căn cứ truy tố về tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan tổ chức. Mức hình phạt Luật sư đề nghị là không phù hợp với tình chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bên còn đưa ra một số ý kiến tranh luận, nhưng cuối cùng vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Trung T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự

khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu trên. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định, biên bản đối chất giữa bị cáo với bị hại... Những tình tiết, chứng cứ trên đã có cơ sở xác định: Do muốn có tiền tiêu xài, Đặng Trung T đã lên mạng thuê đối tượng không rõ lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN013XXX do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung Tín tại địa chỉ 20 Trần Đình X, phường Nguyễn Cư T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với chi phí 5.000.000 đồng. Sau khi có được Giấy chứng nhận nhà đất giả, T ký Hợp đồng mua bán giả cách với ông Trần Văn Th để cầm cố Giấy chứng nhận nhà đất giả nhằm chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng nhưng đã bị Văn phòng công chứng Đồng Thị H1 (địa chỉ 38 Ngô Gia T, Phường F, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện và trình báo cơ quan Công an.

Do đó, Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo Đặng Trung T về: “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đã đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị, nhưng chỉ vì tham lam tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt 600.000.000 đồng nhưng chưa chiếm đoạt được do bị phát hiện Giấy chứng nhận nhà đất giả, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại điểm

s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Với những phân tích nêu trên, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, áp dụng mức phạt tù tương xứng với từng tội danh mà bị cáo phạm phải nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội và tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đã truy tố bị cáo Đặng Trung T là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị chỉ xét xử đối với bị cáo về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức cũng như mức phạt tù đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự

Ông Nguyễn Văn Th chưa bị thiệt hại về tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 có số IMEI: 358502082515XXX (pin phù, bung máy, thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số Imei: 358502082515XXX, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) thu giữ của bị cáo Đặng Trung T là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định; Dung tích xi lanh: không xác định; BS: 52U3-1XXX; SK: LPRSE- 032002202XXX; 02400 SM: E310E-209XXX (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra thu giữ của Đặng Trung T. Chiếc xe này thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Việt H, trú tại 47 Hòa H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H giao chiếc xe trên cho Đặng Trung T (cháu bà H) để sử dụng làm phương tiện đi lại, không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bà Nguyễn Thị Việt H.

(Theo biên bản giao nhận tang vại vật số NK/2025/016 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 20 Trần Đình X, phường Nguyễn Cư T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung T (Kết luận giám định xác định là giả) là chứng cứ chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Trung T 10 (Mười) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm tù về “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 13 (Mười ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2023, được khấu trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2023 đến ngày 16/6/2023.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 có số IMEI: 358502082515XXX (pin phù, bung máy, thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số Imei: 358502082515XXX, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

2.2 Trả lại cho bà Nguyễn Thị Việt H, trú tại 47 Hòa H, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định; Dung tích xi lanh: không xác định; BS: 52U3-1XXX; SK: LPRSE- 032002202XXX; SM: E310E-209XXX (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

(Theo biên bản giao nhận tang vật số NK/2025/016 ngày 15/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

2.3 Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 20 Trần Đình X, phường Nguyễn Cư T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp ngày 06/01/2021 cho ông Đặng Trung T (Kết luận giám định xác định là giả).

3. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Đặng Trung T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (2)
- Luật sư; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Nguyễn